Public Disclosure Authorized

107860

[Country-Vietnam]
[Project Name-Hai Phong Livestock Competitiveness and Food safety Project Additional Financing]
PROCUREMENT PLAN - GOODS AND WORKS FOR 2016
KẾ HOẠCH ĐẤU THẦU - XÂY LẮP VÀ HÀNG HÓA NĂM 2016
(Date of PP: ____Aug 05, 2016____; Update No. __1____; Date of WB NOL: _____)
(Ngày: ___05/8/2016_____; Cập nhật lần___1___; WB's NOL: _____)

Item №	Cost Table Codes	Component Reference as per PAD	Contract Ref. №	Contract Description	Plan vs Actual	Estimated Cost (VND equivalent)	Estimated Cost (US$ equivalent)	Procu. Method	WB Review (Prior/ Post)	Type of Contract	Date of Draft BD to WB	Date of Invitation to Bids	Date of Bid Opening	Bid Evaluation Report	Date of Contract Signing	Date of Contract Completion	Remarks
№	Mã số bảng chi phí	Hạng mục theo PAD	Ký hiệu gói thầu №	Tên gói thầu	Kế hoạch / Thực tế	Giá dự toán (VND)	Giá dự toán (US$)	Phương pháp đấu thầu	WB's xem xét (Prior/Trước / Post/Sau)	Hình thức hợp đồng	Ngày nộp Hồ sơ mời thầu cho WB	Mời thầu	Mở thầu	Ngày trình Báo cáo đánh giá thầu	Ngày ký hợp đồng	Ngày hoàn thành hợp đồng	Ghi chú
GOODS/HÀNG HÓA																	
1	A1-HP	A1	HP-LIFSAP-AF-01-HH-2016	Chiến dịch truyền thông xây dựng thương hiệu và quảng bá sản phẩm giai đoạn 2016 - 2018	Plan/Kế hoạch	5,500,000,000	250,000	NCB	Prior/Trước	Lump-sum /Trọn gói	10/8/2016	19/8/2016	20/9/2016	13/10/2016	20/10/2016	20/10/2018	
				Communication campaign for brand name building and promotion for 2016-2018 period	Actual/ Thực tế												
2	A1 và A3-HP	A1 và A3	HP-LIFSAP-AF-02-HH-2016	Hàng hóa và thiết bị phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh; Hàng hóa thiết bị tăng cường chất lượng giống vật nuôi; và Hàng hóa và thiết bị kiểm dịch thịt đối với chợ và cơ sở giết mổ.	Plan/Kế hoạch	1,100,000,000	50,000	SH	Post/Sau	Lump-sum /Trọn gói	NA	08/8/2016	19/8/2016	NA	06/9/2016	06/10/2016	
				Goods and equipment for: (1) disease prevention; (2) improvement of animal breed quality; and (3) meat inspection for wet markets and slaughterhouses	Actual/ Thực tế												
3	A3-HP	A3	HP-LIFSAP-AF-03-HH-2016	Hàng hóa và thiết bị nâng cấp chợ thực phẩm tươi sống năm 2016	Plan/Kế hoạch	440,000,000	20,000	SH	Post/Sau	Lump-sum /Trọn gói	NA	24/10/2016	04/11/2016	NA	14/11/2016	14/12/2016	
				Goods and equipment for wet markets upgraded in 2016	Actual/ Thực tế												
WORKS/XÂY LẮP																	
1	A3-HP	A3	HP-LIFSAP-AF-01-XL-2016	Cải tạo, nâng cấp chợ chợ Gừng, xã Hùng Tiến, huyện Vĩnh Bảo	Plan/Kế hoạch	2,753,000,000	125,136	SH	Post/Sau	Lump-sum /Trọn gói	NA	12/8/2016	22/8/2016	NA	29/8/2016	29/11/2016	
				Upgrading Gung wet market in Hung Tien Commune, Vinh Bao District	Actual/ Thực tế												
2	A3-HP	A3	HP-LIFSAP-AF-02-XL-2016	Cải tạo, nâng cấp chợ Đặng Cương, xã Đặng Cương, huyện An Dương	Plan/Kế hoạch	3,660,000,000	166,364	SH	Post/Sau	Lump-sum /Trọn gói	NA	15/8/2016	25/8/2016	NA	01/9/2016	01/12/2016	
				Upgrading Dang Cuong wet market in Dang Cuong Commune, An Duong District	Actual/ Thực tế												
3	A3-HP	A3	HP-LIFSAP-AF-03-XL-2016	Cải tạo, nâng cấp chợ Phả Lễ, xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên	Plan/Kế hoạch	2,701,000,000	122,773	SH	Post/Sau	Lump-sum /Trọn gói	NA	10/8/2016	22/8/2016	NA	05/9/2016	05/12/2016	

Public Disclosure Authorized

Item №	Cost Table Codes	Component Reference as per PAD	Contract Ref. №	Contract Description	Plan vs Actual	Estimated Cost (VND equivalent)	Estimated Cost (US$ equivalent)	Procu. Method	WB Review (Prior/ Post)	Type of Contract	Date of Draft BD to WB	Date of Invitation to Bids	Date of Bid Opening	Bid Evaluation Report	Date of Contract Signing	Date of Contract Completion	Remarks
№	**Mã số bảng chi phí**	**Hạng mục theo PAD**	**Ký hiệu gói thầu №**	**Tên gói thầu**	**Kế hoạch / Thực tế**	**Giá dự toán (VND)**	**Giá dự toán (US$)**	**Phương pháp đấu thầu**	**WB's xem xét (Prior/Trước / Post/Sau)**	**Hình thức hợp đồng**	**Ngày nộp Hồ sơ mời thầu cho WB**	**Mời thầu**	**Mở thầu**	**Ngày trình Báo cáo đánh giá thầu**	**Ngày ký hợp đồng**	**Ngày hoàn thành hợp đồng**	**Ghi chú**
				Upgrading Pha Le wet market in Pha Le Commune, Thuy Nguyen District	Actual/ Thực tế												
4	A3-HP	A3	HP-LIFSAP-AF-04-XL-2016	Cải tạo, nâng cấp chợ Hòa Bình, xã Hòa Bình, huyện Vĩnh Bảo và chợ Bảo Hà, xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo	Plan/Kế hoạch	5,095,000,000	231,591	NCB	Prior/Trước	Fixed Unit Price /Đơn giá cố định	09/8/2016	16/8/2016	16/9/2016	23/9/2016	30/9/2016	30/12/2016	
				Upgrading two wet markets in Vinh Bao District: Hoa Binh wet market in Hoa Binh Commune, and Bao Ha wet market in Dong Minh Commune	Actual/ Thực tế		-										

[Country-Vietnam]
[Project Name-Hai Phong Livestock Competitiveness and Food safety Project Additional Financing]

PROCUREMENT PLAN - CONSULTANT SELECTION (CQS & IC) FOR 2016
KẾ HOẠCH ĐẤU THẦU - TƯ VẤN (CQS & IC) NĂM 2016
(Date of PP: ____ Aug 05, 2016____; Update No. __1____; Date of WB NOL: _____)
(Ngày: ____05/8/2016____; Cập nhật lần___1___; WB's NOL: _____)

Item №	Cost Table Codes	Component Reference as per PAD	Contract Ref.	Contract Description	Plan vs Actual	Estimated Cost (VND equivalent)	Estimated Cost (US$ equivalent)	Firm or Ind.	Select. Method	WB Review (Prior/ Post)	Type of Contract	Request for Exp. Of Interest	Evaluation report for Short list & RFP	RFP Issued (for CQS)	Proposal Submission	Draft Final Contract	Date of Contract Signing	Date of Contract Completion	Remarks
№	Mã số bảng chi phí	Hạng mục theo PAD	Ký hiệu gói thầu №	Tên gói thầu	Kế hoạch / Thực tế	Giá dự toán (VND)	Giá dự toán (US$)	Hãng hoặc Tư vấn cá nhân	Phương pháp đấu thầu	WB's xem xét (Trước / Sau)	Hình thức hợp đồng	Mời quan tâm	Báo cáo đánh giá cho Bày tỏ quan tâm và HSMT	Phát hành HSMT	Nộp Đề xuất	Dự thảo hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Ngày hoàn thành hợp đồng	Ghi chú
1	A1-HP	A1	HP-LIFSAP-AF-01-TV-2016	Tư vấn kỹ thuật cho các nhóm về phát triển GAHP	Plan/Kế hoạch	501,600,000	22,800	Tư vấn cá nhân/Ind.	IC	Sau/Post	Theo thời gian /Time-based	11/8/2016	01/9/2016	NA	NA	01/9/2016	08/9/2016	10/9/2018	
				Technical Consultant on support for groups in GAHP development	Actual/ Thực tế														
2	A1-HP	A1	HP-LIFSAP-AF-02-TV-2016	Tư vấn trong nước tăng cường hệ thống quản lý kinh doanh cho các Tổ hợp tác/hợp tác xã	Plan/Kế hoạch	501,600,000	22,800	Tư vấn cá nhân/Ind.	IC	Sau/Post	Theo thời gian /Time-based	12/8/2016	01/9/2016	NA	NA	01/9/2016	14/9/2016	14/9/2018	
				National Consultant on strengthening business management systems of colaborative groups/cooperatives	Actual/ Thực tế														